| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN CHÂU THÀNH**<br>TỈNH TIỀN GIANG<br>Bản án số: 846 /2019/HNGĐ-ST<br>Ngày 19 - 11 - 2019<br>V/v **Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TIỀN GIANG**

***- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán chủ tọa phiên tòa*: Bà **Nguyễn Thanh Nhàn**;

*Các hội thẩm nhân dân:*

+ Ông: **Nguyễn Bền**;

+ Ông : **Phạm Thành Trại**;

***- Thư ký ghi biên bản phiên tòa***: ông **Võ Trương Tấn Thành** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa***: Bà **Trần Ngọc Hà** - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 480/2019/TLST – HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2019 về việc: "tranh chấp ly hôn và nuôi con "

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 208/2019/QĐST-HN ngày 15 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **Lê Thị N,** sinh năm 1984**;** Nơi cư trú: ấp MT, xã ST, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* **Nguyễn Thành C,** sinh năm 1982**;** Nơi cư trú: ấp MT, xã ST, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

( Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, Bị đơn vắng mặt)

# NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, Tờ tự khai cũng như trong quá trình giải quyết nguyên đơn Lê Thị N trình bày:**

Chị và anh Nguyễn Thành C cưới nhau vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Song Thuận, huyện Châu Thành. Từ khi sống chung, vợ chồng sống không hạnh phúc, đến khoảng đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẩn trầm trọng. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng ý kiến, vợ chồng thường xuyên cự cải, gây gỗ. Anh C không lo làm ăn, tham gia cờ bạc nhiều lần. Chị đã bỏ nhà đi rất nhiều lần nhưng vì con nên chị bỏ qua cho Anh C. Chị có khuyên can nhưng Anh C không sửa chữa. Chị nhận thấy vợ chồng không thể sống chung với nhau được nữa nên đã cắt đứt quan hệ vợ chồng từ đầu năm 2019. Trong thời gian ly thân, anh chị cũng tìm cách để hai bên hòa giải nhưng vợ chồng không thể hàn gắn được. Xét thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm không còn. Chị làm đơn yêu cầu Tòa giải quyết:

- Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Thành C.

- Về con chung: Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con tên Nguyễn Thị Tâm N1 sinh ngày 13/9/2005, không yêu cầu Anh C cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: không có tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: không có tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

*** Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Nguyễn Thành C trình bày:**

Anh thừa nhận thời điểm kết hôn, quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung là đúng như chị N trình bày. Thời gian đầu vợ chồng sống chung rất hạnh phúc. Sống thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẩn. Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẩn là do vợ chồng bất đồng ý kiến, anh có tham gia cờ bạc, chị N không đồng ý nên vợ chồng thường xuyên cự cải. Đầu năm 2019, chị N bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống và ly thân cho đến nay. Trong thời gian ly thân, anh cũng mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng chị N không chịu trở về. Nay anh có ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: anh mong muốn được hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nếu chị N cương quyết không hàn gắn thì anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Lê Thị N.

- Về con chung: anh yêu cầu giao con chung cho anh trực tiếp nuôi dưỡng, anh không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung: vợ chồng không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

- Nợ chung: vợ chồng không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

*** Tại phiên tòa:** Chị N đồng ý giao con chung tên Nguyễn Thị Tâm N1 cho anh Nguyễn Thành C trực tiếp nuôi dưỡng. Chị được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

*** Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:**

- Về nội dung vụ án: Căn cứ vào quy định Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị N: Cho chị Lê Thị N và anh Nguyễn Thành C ly hôn; Về nuôi con chung để đảm bảo ổn định cuộc sống cho cháu Nguyễn Thị Tâm N1, đề nghị giao con chung cho Anh C trực tiếp nuôi dưỡng; Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung không xem xét do các bên không tranh chấp.

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư Ký, HĐXX, các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa là đúng thủ tục tố tụng. Viện kiểm sát không có kiến nghị bổ sung.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

***[1] Về quan hệ tranh chấp***: Chị Lê Thị N yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Thành C và yêu cầu được nuôi con. Hội đồng xét xử (HĐXX) xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp ly hôn và nuôi con theo quy định khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

***[2] Về thủ tục tố tụng:***

Xét bị đơn Nguyễn Thành C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt mà không vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Thành C theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 BLTTDS.

***[3] Về quan hệ hôn nhân***: Xét thấy chị Lê Thị N và anh Nguyễn Thành C sống chung có đăng ký kết hôn năm 2006 theo đúng quy định Luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Xét lời khai chị Lê Thị N về nguyên nhân mâu thuẩn, điều kiện nuôi con chung, tài sản chung, nợ chung được anh Nguyễn Thành C thừa nhận. Do vậy, căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX xác định các tình tiết nêu trên là sự thật.

Xét quá trình sống chung : anh chị sống không hạnh phúc, vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cải nhau. Chị N cũng cho rằng tình cảm vợ chồng đã không còn, chị không thể chung sống với Anh C được nữa và cắt đứt

quan hệ gần 01 năm. Tòa án đã hòa giải và tạo điều kiện để Anh C tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh không thực hiện, không có thiện chí để vợ chồng đoàn tụ. Điều đó chứng tỏ tình cảm giữa chị N và Anh C không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và Gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị N.

Xét ý kiến của anh Nguyễn Thành C: anh mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị Lê Thị N. Tuy nhiên sau khi hòa giải anh không sửa chữa tính tình, không có phương án để vợ chồng đoàn tụ. Do vậy, HĐXX không có cơ sở để chấp nhận ý kiến của Anh C.

[4] ***Về nuôi con chung:*** Cháu Nguyễn Thị Tâm N1 chưa đủ 18 tuổi nên rất cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng của cha hoặc mẹ. Tại phiên tòa, chị Lê Thị N đồng ý giao cho Anh C trực tiếp nuôi con chung. Xét thấy, Anh C có đủ điều kiện về chổ ở, sức khỏe và các điều kiện cần thiết để nuôi con; Từ khi chị N và Anh C không còn sống chung, cháu Tâm N1 do Anh C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cũng đảm bảo, cuộc sống đã ổn định. Hơn nữa, nguyện vọng của cháu cũng muốn Anh C trực tiếp nuôi dưỡng. Anh C cũng có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và Gia đình, HĐXX giao con chung cho anh Nguyễn Văn C trực tiếp nuôi dưỡng. Chị N được quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

[5] ***Về cấp dưỡng:*** Anh C trình bày hiện tại chị đủ điều kiện để nuôi con chưa yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. HĐXX ghi nhận và không xem xét về nghĩa vụ cấp dưỡng.

[6] ***Về tài sản chung:*** Các đương sự không yêu cầu giải quyết, HĐXX không xem xét.

**[7]** ***Về nợ chung***: Các bên đương sự không yêu cầu giải quyết. HĐXX không xem xét.

**[8]** ***Xét ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát*** là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật như đã phân tích trên. HĐXX chấp nhận.

**[9]** ***Về án phí:*** Chị Lê Thị N phải chịu án phí DSST trong vụ án ly hôn theo quy định khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

**<u>Áp dụng:</u> Điều 28, Điều 92, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;**
**Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình ;**
**Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí.**

**Xử**: C**hấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị N.**

**- Về hôn nhân: C**ho chị Lê Thị N ly hôn với anh Nguyễn Thành C.

**- Về nuôi con chung**: Giao cháu Nguyễn Thị Tâm N1 sinh ngày 13/9/2005 cho anh Nguyễn Thành C trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Lê Thị N được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

**- Về cấp dưỡng nuôi con**: không xem xét.

**- Tài sản chung:** không xem xét.

**- Về nợ chung**: Không xem xét.

**- Về án phí**: Chị Lê Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn. Được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí chị Lê Thị N đã nộp theo biên lai thu số 0009956 ngày 01/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

**- Về quyền kháng cáo**: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND.TG
- VKSND.huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS. huyện châu Thành;
- UBND xã Song Thuận;
- Các Đ/S
- Lưu

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**ĐÃ KÝ**

**Nguyễn Thanh Nhàn**